

# DAO ĐỘNG GIẺNG CO

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Nhà đầu tư tiếp tục chọn lọc các mã đang có tín hiệu bật tăng từ nền hỗ trợ cứng với sự tham gia chủ động của dòng tiền và giải ngân từng phần với mục tiêu đầu tư ngắn hạn.
BÁN	Nhà đầu tư có thể xem xét tận dụng các nhịp tăng điểm của thị trường để thực hiện bán chốt lời từng phần các vị thế ngắn hạn trong danh mục.

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

HPG

MUA

↑ 9,06%

VND28.900

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (4/2), khi nhà đầu tư tạm gác lại mối lo thuế quan và một số cổ phiếu công nghệ tăng giá mạnh.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Tâm lý nhà đầu tư ổn định trở lại, cùng sự tích cực của dòng tiền, giúp VN-Index chốt phiên giao dịch ngày 04/02 trong sắc xanh. Trong đó, các nhóm cổ phiếu dẫn dắt như ngân hàng, chứng khoán, thép, đầu tư công đồng loạt khởi sắc. Về kỹ thuật, VN-Index đang có xu hướng thiết lập vùng dao động quanh đường MA200 và MA50. Thị trường nhiều khả năng sẽ duy trì trạng thái dao động đi ngang trong ngắn hạn. Chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư rà soát lại danh mục và tìm kiếm cơ hội ở các mã vẫn duy trì được xu hướng tích lũy.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
<b>Dow Jones</b>	44.556,04	0,30	4,73
<b>S&amp;P 500</b>	6.037,88	0,72	2,66
<b>Nasdaq</b>	19.654,02	1,35	1,78
<b>VIX</b>	17,21	-7,57	-0,81
<b>DAX</b>	21.505,70	0,36	8,02
<b>FTSE 100</b>	8.570,77	-0,15	4,87
<b>CAC40</b>	7.906,40	0,66	7,12
<b>Hang Seng</b>	20.827,77	0,18	3,83

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	NEUTRAL	BUY

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
<b>RSI (14)</b>	56,66	BUY
<b>MACD (12,26)</b>	0,36	BUY
<b>ADX (14)</b>	16,59	NEUTRAL
<b>SMA5</b>	1.256,98	BUY
<b>SMA20</b>	1.249,23	BUY
<b>SMA50</b>	1.252,37	BUY
<b>SMA100</b>	1.258,89	BUY
<b>SMA200</b>	1.257,77	BUY

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Thị trường chứng khoán Mỹ tăng điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (4/2), khi nhà đầu tư tạm gác lại mối lo thuế quan và một số cổ phiếu công nghệ tăng giá mạnh nhờ kết quả kinh doanh khả quan.
- Giá dầu thô Brent giao sau tại London tăng 0,24 USD/thùng, tương đương tăng 0,32%, đóng cửa ở mức 76,2 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York giảm 0,46 USD/thùng, tương đương giảm 0,63%, chốt ở mức 72,7 USD/thùng.
- Chính phủ Trung Quốc ngày 4/2 đã áp thuế quan trả đũa lên hàng hóa Mỹ, gồm mức thuế 15% đối với than và khí đốt hóa lỏng nhập từ Mỹ và mức thuế 10% đối với dầu thô, thiết bị nông nghiệp và một số loại ô tô, có hiệu lực từ ngày 10/2. Động thái này được đưa ra ngay sau khi thuế quan bổ sung 10% mà ông Trump áp lên toàn bộ hàng hóa Trung Quốc chính thức có hiệu lực.
- **NTL:** Năm 2024, NTL mang về doanh thu hơn 1,441 tỷ đồng, tăng 58% so với năm trước; lợi nhuận cao kỷ lục lên gần 608 tỷ đồng, tăng 67%, do trong 6 tháng đầu năm, báo cáo soát xét ghi nhận thêm doanh thu, lợi nhuận, giá vốn phần diện tích đất đã bán cho khách hàng của dự án khu đô thị Bãi Muối thuộc phường Cao Thắng, Hà Khánh, Hà Lắm, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- **HSG:** Trong quý 1 NĐTC 2024-2025, Hoa Sen ghi nhận doanh thu thuần hơn 10.200 tỷ đồng và lãi ròng gần 166 tỷ đồng, tăng tương ứng 12,6% và 60% so với cùng kỳ. Trong quý này, Hoa Sen bán được gần 500 ngàn tấn tôn mạ và ống thép, đi ngang so với quý trước và tăng 11% so cùng kỳ.
- **HAX:** Tại báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2024, doanh thu của Haxaco đạt 992,4 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận sau thuế quý IV/2024 đạt 11,8 tỷ đồng, giảm 14% so với cùng kỳ. Lũy kế cả năm 2024, doanh thu riêng đạt 3.127 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 60,7 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 10% về doanh thu và 84% về lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm 2023.
- **BID:** NHNN đã chấp thuận cho BIDV tăng vốn điều lệ thêm 1.238 tỷ đồng theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Nhiều quỹ ngoại đã đăng ký mua với số lượng lớn cổ phiếu chào bán.
- **VJC:** Năm 2024, Vietjet đã vận chuyển hơn 25,9 triệu khách trên 137 nghìn chuyến bay; khai thác tổng cộng 145 đường bay, bao gồm 44 đường bay nội địa và 101 đường bay quốc tế. Vietjet đã là hãng hàng không có lượng khách vận chuyển lớn nhất Việt Nam. Cả năm 2024, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 71.859 tỷ đồng, và hơn 1.426 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng trưởng lần lượt 23% và 516% so với năm 2023.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.840,64	-0,07	8,24
Dầu WTI	72,86	0,22	1,59
Dầu Brent	76,24	0,05	2,14
Than	112,50	-2,72	-10,18
Đồng	9.150,50	0,57	4,36
Quặng sắt	106,02	0,71	1,14
Thép	479,50	0,10	0,79

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	107,931	-0,03	-0,51
USD/JPY	153,69	0,42	2,28
USD/CNY	7,2823	-0,52	0,23
EUR/USD	1,0376	-0,03	0,21
GBP/USD	1,2476	-0,03	-0,32

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	19/03/2025	-0,25
ECB	2,90%	06/03/2025	-0,50
BOE	4,75%	06/02/2025	-0,25
BOJ	0,50%	19/03/2025	0,25
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	798,58	146.200	0,48
HPG	464,68	26.850	1,70
HDB	160,93	22.600	0,89
SSI	393,11	25.300	2,02
STB	471,33	37.300	2,05

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	514.196,40	92.000	0,44
BID	273.486,48	39.650	0,63
FPT	215.070,31	146.200	0,48
CTG	211.577,67	39.400	3,55
TCB	174.148,60	24.650	1,65

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# HPG

**Khuyến nghị**
**Giá hiện tại**
**Giá mục tiêu**
**Tiềm năng tăng giá**
**Vùng giải ngân**
**Ngưỡng cắt lỗ**
**MUA**
**26.850**
**28.900**
**9,06%**
**26.000-26.800**
**<25.500**

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế cả năm 2024, doanh thu của Hòa Phát đạt 140.560 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước, đạt kế hoạch năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 12.020 tỷ đồng, tăng 77% so với năm 2023 và vượt 20% kế hoạch năm.
- Năm 2024, Hòa Phát đã sản xuất 8,7 triệu tấn thép thô, tăng 30% so với năm 2023. Sản lượng bán hàng các sản phẩm thép HRC, thép xây dựng, thép chất lượng cao và phôi thép đạt 8,1 triệu tấn, tăng 20%. Tại thị trường trong nước, Hòa Phát củng cố vị thế thị phần số 1 cả nước về thép dài, ống thép với lần lượt là 37,6% và 27,7% và đứng trong Top 5 thị phần tôn mạ với 8,2%.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- HPG sau khi hình thành vùng cân bằng đã có những phiên hồi phục khá tốt để tiệm cận vùng cản 27.000 đồng (MA200). Các chỉ báo kỹ thuật vẫn đang giữ ở mức tích cực. Nhà đầu tư có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân thăm dò đối với cổ phiếu HPG, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 26.000-26.800 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q42024
<b>DTT (tỷ đ)</b>	141.409	118.953	34.491
<b>LNTT (tỷ đ)</b>	9.923	7.793	3.287
<b>LNST (tỷ đ)</b>	8.444	6.800	2.810
<b>Nợ/VCSH (%)</b>	60	64	
<b>ROE (%)</b>	9,05	6,54	11,53
<b>ROA (%)</b>	4,87	3,82	6,33
<b>EPS (VNĐ)</b>	1.320	1.015	1879,16
<b>P/E (lần)</b>	12,4	25,0	14,29
<b>P/B (lần)</b>	1,09	1,58	1,54

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng</b>	<b>BUY</b>	<b>NEUTRAL</b>	<b>BUY</b>
<b>Chỉ báo kỹ thuật</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Hành động</b>	
<b>RSI (14)</b>	<b>55,79</b>	<b>BUY</b>	
<b>MACD (12,26)</b>	<b>-0,04</b>	<b>BUY</b>	
<b>ADX (14)</b>	<b>12,57</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA5</b>	<b>26.520</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA20</b>	<b>26.310</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA50</b>	<b>26.640</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA100</b>	<b>26.520</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA200</b>	<b>27.030</b>	<b>SELL</b>	

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	VCI	Mua	33,8-34,8	4/2/2025	34,6	37,6	32,3			0,58%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
2	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
3	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
4	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
5	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	9,52%
6	VCI	Cơ cấu	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4	7/1/2025	32,5	-2,99%
7	SSI	Cơ cấu	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8	7/1/2025	25,35	-1,74%
8	GMD	Cơ cấu	63,8-65	12/11/2024	65	72,2	61,8	7/1/2025	64	-1,54%
9	PVD	Cắt lỗ	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4	7/1/2025	22,4	-3,86%
10	DPM	Cắt lỗ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33	10/1/2025	33,5	-4,83%
11	HPG	Cắt lỗ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2	10/1/2025	25,55	-3,58%
12	VPB	Cắt lỗ	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9	10/1/2025	18,5	-2,63%
13	TCB	Cắt lỗ	23,5-23,9	19/12/2024	23,8	26,3	22,7	10/1/2025	23,4	-1,68%
14	SZC	Cắt lỗ	41-42	19/12/2024	42	45,8	40	10/1/2025	41	-2,38%
15	VCG	Chốt lời	17,7-18,1	14/01/2025	18,1	19,8	17,2	3/2/2025	20	10,50%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị ngày 10/1/2024

NHÓM CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Điểm 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-(-12%-18%)
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-(-18-37%)
NHÓM CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Có thể DCA vế 61-62)	
Cắt lỗ	Điểm 59	-(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-(-12%-14%)
Chốt lời 2:(50%)	Năm giờ	
NHÓM CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-(-7%-12%)
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-(-13%-14%)

by Thanh Bình @ginlabs.vn

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (lợi kiến)	+679,500,200 đ (6.15%)

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 **Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.**

3

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)